

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025

HUYỆN ỦY TUẦN GIÁO	
ĐẾN	Số: 100
	Ngày 27/02/2020
Chuyên	Thực hiện

Thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị; nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục phát huy ưu điểm, kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW thời gian qua.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội trong việc cụ thể hóa các mục tiêu của Nghị quyết số 26-NQ/TW, Kết luận số 54-KL/TW sát với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương.

2. Yêu cầu

Việc thực hiện Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này phải đồng bộ với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 06/11/2008 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7; Nghị quyết số 03/NQ-TU, ngày 18/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 12-KL/TU, ngày 12/02/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 18/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 23/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, cá nhân người đứng đầu trong hệ thống chính trị để Nghị quyết số 26-NQ/TW được triển khai

thực hiện thống nhất, đồng bộ, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong việc thực hiện các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; làm cơ sở để tiến hành kiểm tra, giám sát, thanh tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trước hết là người đứng đầu căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, Kế hoạch này đánh giá tình hình và yêu cầu thực tế tại địa phương, đơn vị mình để chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, sát đúng, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thực hiện có hiệu quả, kịp thời khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu đến năm 2025

- *Về nông nghiệp*: Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 280 ngàn tấn; giá trị sản phẩm bình quân đạt trên 50 triệu đồng/01ha đất canh tác. Tốc độ phát triển đàn gia súc đạt 3,5%/năm; tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,5%.

- *Về nông dân*: Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020) từ 30,67% năm 2020 xuống còn dưới 16% năm 2025 (bình quân giảm 2,93%/năm), trong đó các huyện nghèo nhóm 1 giảm trên 4%/năm, các huyện nghèo nhóm 2 giảm trên 3,5%/năm. Mỗi năm đào tạo giáo dục nghề nghiệp cho 8.000 - 8.300 lao động; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 77%; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65-70%; tạo việc làm mới cho 8.700 lao động/năm.

- *Về nông thôn*: Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được quanh năm đạt 100%. Giao thông nông thôn được nâng cấp, cải tạo, cứng hóa 100% các tuyến đường cấp huyện và 70% đường cấp xã; 100% số trạm y tế có cơ sở hạ tầng đảm bảo quy định của Bộ Y tế; trên 75% phòng học và 70% phòng nội trú được kiên cố hóa; tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hóa xã đạt 100%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Đài truyền thanh cơ sở đạt 100%; tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98%; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 85%; tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom 88%.

Toàn tỉnh có 45% số xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó, có 10% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu); không còn xã dưới 10 tiêu chí; bình quân đạt 14 tiêu chí/xã; phấn đấu đến hết năm 2025, tỉnh có 45-50% số thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải có từ 05 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Nhiệm vụ

(1)- **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn**; giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là nông dân nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai

trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(2)- Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chú trọng nâng cao năng lực tổ chức, đổi mới phương thức quản lý và phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Bổ sung nhân lực và tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

(3)- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới toàn diện, đi vào chiều sâu, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn. Chú trọng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng; tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực có tiềm năng, lợi thế (cây công nghiệp, lúa gạo chất lượng cao, ngô, cây lấy gỗ, cây ăn quả trên đất dốc, chăn nuôi...); áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm. Bảo vệ, phát triển rừng, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trồng rừng sản xuất, cây công nghiệp và dược liệu theo quy hoạch. Tăng cường xây dựng, quảng bá thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp của địa phương tập trung vào các sản phẩm chủ lực.

(4)- Tập trung nguồn lực thực hiện đồng bộ chiến lược về giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân nông thôn. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; hỗ trợ về giáo dục và đào tạo, y tế,... giúp người dân vươn lên thoát nghèo bền vững.

(5)- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trọng tâm là nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Có cơ chế thu hút các chuyên gia, nhà khoa học giỏi, nhà đầu tư tham gia vào các lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

III- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về phát triển nông nghiệp để cán bộ, đảng viên và người dân nhận thức đầy đủ về phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Trong đó, tập trung thực hiện tốt

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, phổ biến đề án tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp, nhất là các giải pháp để cán bộ, nhân dân hiểu rõ và triển khai thực hiện.

2. Tăng cường củng cố, đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; kiện toàn tổ chức bộ máy trong lĩnh vực nông nghiệp từ tỉnh đến xã; tổ chức tốt hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập và dịch vụ nông nghiệp.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là công tác vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân trong phát triển kinh tế hộ gia đình, để thoát nghèo và làm giàu chính đáng, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.

3. Tổ chức triển khai có hiệu quả, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đồng thời rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách đặc thù phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Hoàn thiện cơ chế chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sản xuất, chế biến nông sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

4. Thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng mở rộng liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp trong trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm (liên kết giữa 4 nhà, 5 nhà, 6 nhà trong sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ nông sản). Tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, có khả năng cạnh tranh; đa dạng hóa thị trường trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu. Phát triển thị trường thông qua liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu, sản xuất theo chuỗi gắn với các thị trường tiêu thụ lớn đối với các mặt hàng nông sản chế biến có lợi thế và tiềm năng.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho người dân “dồn điền, đổi thửa”, khuyến khích, thúc đẩy liên kết tích tụ, tập trung đất đai để đẩy mạnh cơ giới hoá, sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Đề xuất cơ

ché đất đai đặc thù, phù hợp để thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, gắn với sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động tại chỗ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị với công nghệ tiên tiến và triệt để áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế để sản phẩm nông nghiệp đều được qua xử lý, chế biến, gia tăng giá trị thương mại sản phẩm.

Phát triển mô hình nông nghiệp gắn với các hình thức du lịch, trong đó chú trọng phát triển mô hình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), ẩm thực, văn hóa... Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ nông thôn, chú trọng đến phát triển cơ sở cung ứng dịch vụ nông nghiệp và các mặt hàng thiết yếu, phục vụ sản xuất, sinh hoạt của cư dân nông thôn.

5. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, đẩy mạnh thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng thôn (bản), xã, gia đình văn hóa; bảo tồn, tôn tạo, phát huy bản sắc văn hóa của từng địa phương, từng vùng, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn. Tăng cường huy động, sử dụng lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, khai thác có hiệu quả các dự án đã được đầu tư; tăng cường giám sát cộng đồng đối với những dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn.

6. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các chính sách hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. Tập trung nguồn lực thực hiện đồng bộ chiến lược về giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm cho nông dân; tiếp tục thực hiện liên kết, hỗ trợ đưa lao động nông thôn đi làm việc tại các khu công nghiệp, chế xuất, các doanh nghiệp ngoài tỉnh và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

7. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy triển khai các dự án chống biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng; cấm mốc 3 loại rừng ngoài thực địa; hoàn thành giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp và tiến hành giao đất lâm nghiệp chưa có rừng; thực hiện tốt kế hoạch trồng rừng mới, khoanh nuôi tái sinh rừng hàng năm; phát triển diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp để tăng độ che phủ rừng.

8. Tập trung rà soát nhu cầu và tổ chức có hiệu quả việc bồi dưỡng, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chú trọng nâng cao kỹ năng, tác phong làm việc, kỷ luật lao động cho người lao động. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tạo việc làm gắn với phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động, định hướng cho người lao động học nghề, tìm việc làm, tự tạo việc làm phù hợp; phát triển các làng nghề truyền thống nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế nông thôn. Đánh giá, nhân rộng các mô hình, phương thức sản xuất có hiệu quả; tăng cường liên kết trong sản xuất. Phát huy tốt vai trò của các thành phần kinh tế, nhất là thành phần kinh tế tập thể (nòng cốt là các hợp tác xã); hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, cơ sở trong tiếp cận thị trường, hình thành mạng lưới tiêu thụ trong, ngoài tỉnh.

9. Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết hợp giữa nguồn vốn đầu tư của Nhà nước với đóng góp của nhân dân để thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất như thủy lợi nhỏ, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, chợ nông thôn... Tăng cường hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm mục tiêu nâng cao thu nhập, đời sống của người dân, bảo vệ tốt hơn môi trường sinh thái. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đưa ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, đồng bộ về công nghệ và quy trình tổ chức sản xuất. Tăng cường công tác quản lý quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm theo quy định.

10. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài; phối hợp thực hiện tốt các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh; quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường các hoạt động quảng bá hàng hóa, xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch, đặc biệt chú trọng đến các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của tỉnh như: chè, cà phê, lúa gạo và một số sản phẩm tiềm năng như: mắc ca, dược liệu...

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể tỉnh tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này; lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này; tiến hành sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hằng năm tiếp tục chỉ đạo giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này; tuyên truyền kết quả tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban đảng tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện, thị, thành ủy, ĐUTT tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH₁.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Lô Văn Muôn